

Bản án số: 96/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 26-8-2024  
“V/v Ly hôn giữa bà H và ông Đ ”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thơm

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Mộng Lành và bà Trần Thu Trang.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa:** Bà Lai Thị Ngọc Thúy- Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 214/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị H , sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Trần Minh Đ, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án bà Võ Thị H trình bày như sau:

Bà Võ Thị H (gọi tắt là bà H) và ông Trần Minh Đ (gọi tắt là ông Đ) chung sống với nhau vào năm 2018 hôn nhân tự nguyện được gia đình tổ chức đám cưới

theo phong tục tập quán của địa phương và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang vào ngày 16/6/2020.

Bà H xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông Đ thường xuyên uống rượu về nhà kiếm chuyện chửi mắng xúc phạm danh dự của bà H nhiều lần còn có hành vi bạo lực và hăm dọa đòi giết vợ. Bà H đã trao đổi khuyên nhủ chồng nhiều lần nhưng tính tình ông Đ không thay đổi. Trong cuộc sống hằng ngày vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi bất hoà, hôn nhân không hạnh phúc. Đến nay vợ chồng đã sống ly thân khoảng 08 tháng và không còn quan tâm tới nhau. Bà H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà H xác định vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung của vợ chồng: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn ông Trần Minh Đ vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị H.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn; Căn cước công dân của ông Đ và bà H (Bản phô tô). Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định. Đề nghị căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho bà H được ly hôn với ông Đ; về con chung không có; về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa ông Trần Minh Đ đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật: Bà Hoa xin ly hôn với ông Đấu nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn”.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà H và ông Đ chung sống với nhau có thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Đ đều vắng mặt. Qua lời trình bày của bà H hôn nhân của ông bà phát sinh mâu thuẫn do ông Đ thường xuyên uống rượu về nhà kiếm chuyện chửi mắng xúc phạm danh dự của vợ và còn có hành vi bạo hành hăm dọa tính mạng của vợ. Cuộc sống vợ chồng thường xảy ra cự cãi bất đồng đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân khoảng 08 tháng mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên hòa giải để hòa giải đoàn tụ nhưng ông Đ không chấp hành theo giấy mời, các bên không thể hiện thiện chí hàn gắn hôn nhân. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của bà H, giải quyết cho bà H ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Các đương sự không có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Bà H xác định không có và không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà H là nguyên đơn có trách nhiệm nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Võ Thị H và ông Trần Minh Đ.

2. Về con chung: Bà Võ Thị H và ông Trần Minh Đ không có con chung nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Bà Võ Thị H xác định không có, các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Võ Thị H có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003219 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Bà Võ Thị H đã nộp đủ án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày , bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự" ./.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Tây Yên ;
- Lưu, HS, VP.

**Đinh Thị Thơm**